

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 278/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 20 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023
nguồn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 2669/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 352/BC-HĐND ngày 12 tháng 10 năm

2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai, như sau:

Điều chỉnh điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*Việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023, nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách trung ương*”; điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương*”, cụ thể:

1. Điều chỉnh vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí

1.1. Điều chỉnh giảm 8.986 triệu đồng, gồm:

(1). Dự án các dự án bảo vệ phát triển rừng giảm 8.350 triệu đồng (giảm hết vốn cân đối theo tiêu chí bố trí năm 2023).

(2). Dự án Hệ thống âm thanh lưu động cho Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San giảm 636 triệu đồng (giảm từ 9.880 triệu đồng xuống còn 9.244 triệu đồng).

1.2. Điều chỉnh tăng 8.986 triệu đồng: Điều chỉnh tăng vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia với số vốn 8.986 triệu đồng.

2. Điều chỉnh nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư

2.1 Điều chỉnh giảm vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia của kế hoạch năm 2023 là 8.986 triệu đồng (từ 34.291 triệu đồng còn 25.305 triệu đồng).

2.2 Điều chỉnh giảm vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia kinh phí bố trí để thực hiện các dự án giãn tiến độ do hụt thu năm 2022 với số vốn là 80.000 triệu đồng (điều chỉnh giảm vốn tại phụ lục 3 và phụ lục 3.1 nguồn tiền sử dụng đất tại Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022).

3. Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022

Điều chỉnh tăng vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 với số vốn là 80.000 triệu đồng.

(Kèm theo biểu số 01 và phụ lục 1,2)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

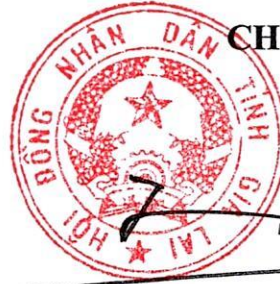
1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Mười Bốn (chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *78*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

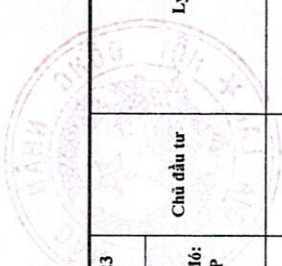
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian K.C.H.T	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh		Chức năng đầu tư	Lý do điều chỉnh
			Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	T.MĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
				Tổng số	Trong đó: NSDP								
A	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí					18.230	18.230	8.986	8.986	18.230	18.230		
I	Điều chỉnh giảm vốn					18.230	18.230	8.986		9.244	9.244		
(1)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản					8.350	8.350	8.350			-		
I	Các dự án bảo vệ phát triển rừng	2021 -2024	496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 529/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; 525/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	424.000	33.000	8.350	8.350	8.350		-	-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	(1)
(1)	Văn hoá thông tin					9.880	9.880	636		9.244	9.244		
I	Hệ thống âm thanh lưu động cho Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San	2023	188/QĐ-SKHĐT ngày 14/1/2022	10.000	10.000	9.880	9.880	636		9.244	9.244	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Dự án hoàn thành còn dư vốn.
II	Các dự án điều chỉnh tăng vốn					-	-	-	8.986	8.986	8.986		
(1)	Các hoạt động kinh tế								8.986	8.986	8.986		
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia							8.986	8.986	8.986	8.986	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Có phụ lục 2 kèm theo
B	Tiền sử dụng đất					433.375	433.375	88.986	-	344.389	344.389		
I	Các dự án điều chỉnh giảm vốn					433.375	433.375	88.986	-	344.389	344.389		
(1)	Các hoạt động kinh tế					433.375	433.375	88.986	-	344.389	344.389		
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					34.291	34.291	8.986		25.305	25.305		Giảm tương ứng với số vốn bổ sung từ nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí

28



STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2023		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Lý do điều chỉnh
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số			Trong đó: NSDP			
				Tổng số	Trong đó: NSDP									
2	Bổ trí cho các dự án do hực thu năm 2022					399.084	399.084	80.000		319.084	319.084	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Điều chỉnh tại mục B.1.7 nguồn tiền sử dụng đất tại Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 (giảm do được bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022)	
	Trong đó													
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					80.000	80.000	80.000				UBND các huyện, thị xã, thành phố	Điều chỉnh giảm vốn tại phụ lục 3 và phụ lục 3.1 nguồn tiền sử dụng đất tại Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 (giảm do được bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022)	
C	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022					-	-	-	80.000	80.000	80.000			
(1)	Các hoạt động kinh tế					-	-	-	80.000	80.000	80.000			
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia								80.000	80.000	80.000	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 cho vốn đối ứng các chương trình MTQG (tại Thông báo số 129/TB-HĐND ngày 21/6/2023. Có phụ lục 1 kèm theo.	

Ghi chú: (1) - Hàng mục trồng rừng phòng hộ: (i) Thời gian xây dựng hồ sơ kéo dài không đảm bảo thời vụ trồng rừng theo khuyến cáo của Tổng cục Lâm nghiệp; (ii) Tại thời điểm xem xét ký hợp đồng, thời tiết có mưa rải rác, nhưng lượng mưa không đủ để cây rừng phát triển bình thường, nguy cơ cây chết là rất cao. Hàng mục hỗ trợ chi phí cấp chứng chỉ rừng bên vững: chủ rừng không có đối ứng nên không triển khai thực hiện hàng mục này. Đối với kế hoạch triển khai thực hiện các hàng mục lâm sinh năm 2023: Để quyết toán dự án hoàn thành đối với hàng mục lâm sinh phải đủ thời gian để thành rừng (ít nhất là 4 năm gồm: 1 năm trồng, 3 năm chăm sóc) nhưng theo Quyết định phê duyệt dự án thời gian thực hiện dự án đến năm 2024 nên một số hàng mục như trồng rừng năm 2022, 2023 chưa đủ thời gian để thành rừng.

[Handwritten signature]



Phụ lục 1

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA DO
HỤT THU BỎ TRÍ SANG NĂM 2023**

(Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022)

(Kèm theo Nghị quyết số: 278/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	TỔNG SỐ	Trong đó:		Ghi chú
			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	
	TỔNG SỐ	80.000	70.792	9.208	
I	Hỗ trợ các địa phương	72.540	65.839	6.701	
1	Huyện Ia Grai	3.965	3.965		
2	Huyện Phú Thiện	418	418		
3	Huyện KBang	15.406	15.406		
4	Huyện Ia Pa	5.104	5.104		
5	Huyện Kông Chro	8.563	1.862	6.701	
6	Huyện Krông Pa	6.332	6.332		
7	Huyện Chư Prông	11.749	11.749		
8	Huyện Chư Păh	5.270	5.270		
9	Huyện Chư Sê	445	445		
10	Huyện Chư Puh	328	328		
11	Huyện Đak Đoa	4.462	4.462		
12	Huyện Đức Cơ	5.041	5.041		
13	Huyện Đăk Pơ	284	284		
14	Huyện Mang Yang	4.465	4.465		
15	Thành phố Pleiku	443	443		
16	Thị xã An Khê	60	60		
17	Thị xã Ayun Pa	205	205		
II	Các sở, ban, ngành	7.460	4.953	2.507	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.953	4.953		
2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	131		131	
3	Trường Cao đẳng Gia Lai	2.376		2.376	

Ghi chú: Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia từ nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư sang nguồn tăng thu ngân sách tỉnh

(Chữ ký)



Phụ lục 2

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023**

(Xử lý nguồn: Chuyển từ nguồn vốn tiền sử dụng đất tinh đầu tư sang nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí)

(Kèm theo Nghị quyết số: 278/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Địa phương	Tổng số	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBĐTTS và MN	Ghi chú
	Tổng số	8.986	8.986	
1	Huyện Ia Pa	1.410	1.410	
2	Huyện Krông Pa	540	540	
3	Huyện Chư Prông	4.560	4.560	
4	Huyện Mang Yang	1.700	1.700	
5	Huyện Ia Grai	776	776	

Ghi chú: Giảm tiền sử dụng đất tinh đầu tư của các huyện tại biểu số 04 kèm theo Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 tương ứng với số vốn bố trí từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tại phụ lục 2 này.